TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;

2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 443/2017/TLST-HN ngày 28 tháng 11 năm 2017 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST- HN ngày 10/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 1477, tổ 09, ấp Mỹ Phú, xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1990; nơi cư trú: số 46/5, tổ 12, khóm 7, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà N có mặt, ông L vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2017 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Thanh L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2005, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bị đơn bỏ đi không quan tâm chăm sóc vợ và con. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Trong thời gian chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phạm Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 04/9/2005. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, bị đơn đồng ý giao con chung tên Phạm Thị Thanh Ngọc cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn thống nhất ý kiến nguyên đơn, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày. Nguyên đơn xác định, ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án. Thư ký Tòa án thực hiện tốt việc chuẩn bị phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng.

Đối với con chung, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dạy, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có lời khai thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, không đăng ký kết hôn.

Biên bản xác minh ngày 18/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu và Biên bản xác minh ngày 20/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc có nội dung xác định: Nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn tại địa phương.

Từ các căn cứ trên, xét không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, nguyên đơn và bị đơn xác định, trong thời gian chung sống, có 01 con chung tên Phạm Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 04/9/2005 và có ý kiến thống nhất, nguyên đơn được tiếp tục nuôi dạy con chung. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, cháu Ngọc hiện đang sống cùng với nguyên đơn, việc nguyên đơn và bị đơn thống nhất nguyên đơn tiếp tục nuôi dạy con chung cũng phù hợp với nguyên vọng của cháu Ngọc nên chấp nhận. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy con chung đối với bị đơn.

Nguyên đơn cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bị đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

Về án phí, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Mỹ N và ông Nguyễn Thanh L là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Mỹ N được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phạm Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 04/9/2005. Ông Nguyễn Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Phạm Thị Mỹ N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0014953 ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thanh L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông L được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm